TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/5/2019
V/v: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Vinh

Ông Trương Minh Thọ

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Dĩ Ly Đan - Kiểm sát viên**.**

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 800/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lô Thị Thanh T, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Số X, đường Đ, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú: Số X, đường N, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Đàm Văn T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: X Phù Đổng Thiên V, Phường Y, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị T có mặt, anh T vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Lô Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Đàm Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng

hoà thuận hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất với nhau trong việc quản lý kinh tế nên từ tháng 7/2018 cho đến nay chị và con gái đã chuyển ra ngoài sinh sống. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung, chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Đàm Bảo T, sinh ngày 09/3/2012 hiện nay đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đàm Văn T trình bày: Anh và chị Lô Thị Thanh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Bảo Lộc. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến ngày 30/4/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống nên từ tháng 6/2018 cho đến nay chị T đã chuyển ra ngoài sinh. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung, anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Đàm Bảo T, sinh ngày 09/3/2012 hiện nay đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, Chị Lô Thị Thanh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Về con chung chị yêu cầu được con và yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T và giao con chung là Đàm Bảo T cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đàm Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên toà, chị T xác định không còn tình cảm với anh T và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Tại bản tự khai ngày 14/01/2019 anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 21/02/2019 anh T có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã trầm trọng do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng luôn xảy ra xung đột, không hạnh phúc nên chị T đã thuê nhà ra ở riêng và vợ chồng đã sống ly thân nhau. Mặc dù anh T có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình nhưng trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân nhau anh T cũng không thật sự cố gắng trong việc tìm biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Đàm Bảo T, sinh ngày 09/3/2012. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con, anh T cũng đồng ý. Xét thấy, hiện nay cháu T đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm sinh lý của trẻ nhỏ cần tiếp tục giao con chung là Đàm Bảo T cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng, anh T cũng đồng ý nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lô Thị Thanh T, xử cho chị Lô Thị Thanh T và anh Đàm Văn T được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con Đàm Bảo T, sinh ngày 09/3/2012 cho chị Lô Thị Thanh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đàm Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Chị Lô Thị Thanh T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0008777 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Đàm Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (27/5/2019). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp. Đà Lạt;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt;
- UBND Phường 2, tp. Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc